

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp
Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015

GIÁM ĐỐC SỞ TƯ PHÁP

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 101/QĐ-BKHCN ngày 21/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố Mô hình khung hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 cho các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước tại địa phương;

Căn cứ Quyết định số 1782/QĐ-UBND ngày 13/7/2015 của UBND tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp (được sửa đổi tại Quyết định số 916/QĐ-UBND ngày 07/4/2016 của UBND tỉnh);

Căn cứ Quyết định số 104/QĐ-STP ngày 22/11/2019 của Sở Tư pháp về việc ban hành và áp dụng Hệ thống tài liệu quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015;

Xét đề nghị của Ban chỉ đạo ISO Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk phù hợp Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015 theo quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ đối với các lĩnh vực hoạt động trong Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

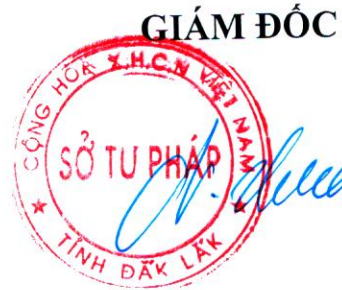
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 159/QĐ-STP ngày 07/12/2018 của Giám đốc Sở Tư pháp

tỉnh Đắk Lắk về việc công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2008.

Điều 3. Ban Chỉ đạo ISO, Tổ thư ký giúp việc; Trưởng các Phòng, Giám đốc các Trung tâm thuộc Sở và công chức, viên chức Sở Tư pháp chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. *Lo*

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Khoa học và Công nghệ;
- Lãnh đạo Sở;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, VP (ISO).



Nguyễn Minh Thuận

BẢN CÔNG BỐ

SỞ TƯ PHÁP TỈNH ĐẮK LẮK

**Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại Sở Tư pháp phù hợp
Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 đối với các lĩnh vực
hoạt động thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp**

*(Theo Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số **M6** /QĐ-STP
ngày **12** tháng 12 năm 2019 của Giám đốc Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk)*

Bản công bố này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

*Đắk Lắk, ngày **12** tháng 12 năm 2019*



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Minh Thuận

Phụ lục

**CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA SỞ TƯ PHÁP
PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO 9001:2015**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 116 /QĐ-STP ngày 12/12/2019
của Giám đốc Sở Tư pháp)

STT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Ghi chú
A	MÔ HÌNH HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG		
1	Mô hình hệ thống quản lý chất lượng	MHHTQLCL	
	- Chính sách chất lượng	C_SCL	
	- Mục tiêu chất lượng	MTCL	
	- Bảng nhận diện, đánh giá, giải quyết rủi ro và cơ hội	BPTBCQTRR	
2	Hướng dẫn kiểm soát thông tin dạng văn bản (tài liệu, hồ sơ)	HD.01	
3	Hướng dẫn quản lý rủi ro, cơ hội	HD.02	
4	Hướng dẫn đánh giá nội bộ	HD.03	
5	Hướng dẫn kiểm soát sự KPH và HĐKP	HD.04	
B	QUY TRÌNH QUẢN LÝ CÁC HOẠT ĐỘNG NỘI BỘ		
I	Văn phòng Sở		
1	Quy trình quản lý văn bản đi và văn bản đến	QT.VP.01	
2	Quy trình tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính	QT.VP.02	
3	Quy trình xét thi đua khen thưởng	QT.VP.03	
4	Quy trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	QT.VP.04	
5	Quy trình xây dựng kế hoạch hàng năm	QT.VP.05	
6	Quy trình xây dựng báo cáo tổng hợp định kỳ	QT.VP.06	
7	Xem xét của lãnh đạo về Hệ thống quản lý chất lượng	QT.VP.07	
II	Phòng Xây dựng và Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật		
1	Quy trình thẩm định trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật	QT.XD&KT.01	
2	Quy trình tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật	QT.XD&KT.02	

STT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Ghi chú
3	Quy trình kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền	QT.XD&KT.03	
III	Phòng Phổ biến, giáo dục pháp luật		
1	Quy trình biên soạn tài liệu pháp luật	QT.PBGDPL.01	
2	Quy trình xây dựng Bản tin Tư pháp	QT.PBGDPL.02	
C	QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH <i>(Căn cứ các Quyết định công bố thủ tục hành chính, Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực tư pháp của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk: Quyết định số 1150/QĐ-UBND ngày 17/5/2017; Quyết định số 2318/QĐ-UBND ngày 21/9/2018; Quyết định số 21/QĐ-UBND ngày 04/01/2019; Quyết định số 899/QĐ-UBND ngày 23/4/2019 và Quyết định số 2525/QĐ-UBND ngày 05/9/2019 về phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện và UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh)</i>		
I	Lĩnh vực bồi thường nhà nước		
1	Phục hồi danh dự	QT.BTNN.01	
2	Xác định cơ quan giải quyết bồi thường	QT.BTNN.02	
3	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	QT.BTNN.03	
II	Lĩnh vực công chứng		
4	Đăng ký tập sự hành nghề công chứng	QT.CC.01	
5	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng sang tổ chức hành nghề công chứng khác trong tỉnh	QT.CC.02	
6	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	QT.CC.03	
7	Đăng ký tập sự hành nghề công chứng trường hợp Người tập sự thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác sang tổ chức hành nghề công chứng trong tỉnh	QT.CC.04	
8	Chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	QT.CC.05	
9	Đăng ký tập sự lại hành nghề công chứng sau khi chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	QT.CC.06	
10	Từ chối hướng dẫn tập sự hành nghề công chứng (trường hợp tổ chức hành nghề công chứng không có công chứng viên khác đủ điều kiện hướng dẫn tập sự)	QT.CC.07	
11	Thay đổi công chứng viên hướng dẫn tập sự trong trường hợp người tập sự đề nghị thay đổi	QT.CC.08	

STT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Ghi chú
12	Thay đổi công chứng viên hướng dẫn tập sự trong trường hợp tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự tạm ngừng hoạt động, chấm dứt hoạt động hoặc bị chuyển đổi, giải thể	QT.CC.09	
13	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng	QT.CC.10	
14	Đăng ký hành nghề và cấp Thẻ công chứng viên	QT.CC.11	
15	Xóa đăng ký hành nghề của công chứng viên	QT.CC.12	
16	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng	QT.CC.13	
17	Hợp nhất Văn phòng công chứng	QT.CC.14	
18	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng hợp nhất	QT.CC.15	
19	Sáp nhập Văn phòng công chứng	QT.CC.16	
20	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận sáp nhập	QT.CC.17	
21	Chuyển nhượng Văn phòng công chứng	QT.CC.18	
22	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng được chuyển nhượng	QT.CC.19	
23	Miễn nhiệm công chứng viên (trường hợp được miễn nhiệm)	QT.CC.20	
24	Bỏ nhiệm công chứng viên	QT.CC.21	
25	Bỏ nhiệm lại công chứng viên	QT.CC.22	
26	Cấp lại Thẻ công chứng viên	QT.CC.23	
27	Thành lập Văn phòng công chứng	QT.CC.24	
28	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng	QT.CC.25	
III	Lĩnh vực đấu giá tài sản		
29	Cấp Thẻ đấu giá viên	QT.DGTS.01	
30	Thu hồi Thẻ đấu giá viên	QT.DGTS.02	
31	Cấp lại Thẻ đấu giá viên	QT.DGTS.03	
32	Đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	QT.DGTS.04	
33	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	QT.DGTS.05	
34	Đăng ký hoạt động đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực thi	QT.DGTS.06	

STT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Ghi chú
	hành chuyển đổi toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp		
35	Đăng ký hoạt động đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực thi hành tiếp tục hoạt động đấu giá tài sản và kinh doanh các ngành nghề khác	QT.ĐGTS.07	
36	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	QT.ĐGTS.08	
37	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh doanh nghiệp đấu giá tài sản	QT.ĐGTS.09	
38	Thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	QT.ĐGTS.10	
39	Phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến	QT.ĐGTS.11	
40	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá	QT.ĐGTS.12	
IV	Lĩnh vực giám định tư pháp		
41	Thành lập Văn phòng giám định tư pháp	QT.GĐTP.01	
42	Đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp	QT.GĐTP.02	
43	Chuyển đổi loại hình Văn phòng giám định tư pháp	QT.GĐTP.03	
44	Đăng ký hoạt động khi chuyển đổi loại hình Văn phòng giám định tư pháp	QT.GĐTP.04	
45	Thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định tư pháp của Văn phòng giám định tư pháp	QT.GĐTP.05	
46	Đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp khi có thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định	QT.GĐTP.06	
47	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp đối với trường hợp thay đổi nội dung đăng ký hoạt động: tên gọi, địa chỉ trụ sở, người đại diện theo pháp luật của Văn phòng, danh sách thành viên hợp danh	QT.GĐTP.07	
48	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp đối với trường hợp bị hư hỏng hoặc bị mất	QT.GĐTP.08	
V	Lĩnh vực hòa giải thương mại		
49	Đăng ký làm hoà giải viên thương mại vụ việc	QT.HGTM.01	
50	Thôi làm hoà giải viên thương mại vụ việc khỏi danh sách hoà giải viên thương mại vụ việc của Sở Tư pháp	QT.HGTM.02	
51	Đăng ký hoạt động Trung tâm hoà giải thương mại	QT.HGTM.03	

STT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Ghi chú
52	Thay đổi tên gọi trong Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm hoà giải thương mại	QT.HGTM.04	
53	Thay đổi địa chỉ trụ sở của Trung tâm hoà giải thương mại từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	QT.HGTM.05	
54	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm hoà giải thương mại	QT.HGTM.06	
55	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động Trung tâm hoà giải thương mại/chi nhánh Trung tâm hoà giải thương mại	QT.HGTM.07	
56	Tự chấm dứt hoạt động Trung tâm hoà giải thương mại	QT.HGTM.08	
57	Đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hoà giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	QT.HGTM.09	
58	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh tổ chức hoà giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	QT.HGTM.10	
59	Thay đổi tên gọi, Trưởng chi nhánh trong Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hoà giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	QT.HGTM.11	
60	Thay đổi địa chỉ trụ sở của chi nhánh tổ chức hoà giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	QT.HGTM.12	
61	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh của tổ chức hoà giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	QT.HGTM.13	
VI	Lĩnh vực hộ tịch		
62	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	QT.HT.01	
VII	Lĩnh vực khiếu nại, tố cáo		
63	Giải quyết khiếu nại lần đầu	QT.KNTC.01	
64	Giải quyết khiếu nại lần hai	QT.KNTC.02	
65	Giải quyết tố cáo	QT.KNTC.03	
VIII	Lĩnh vực luật sư		
66	Đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	QT.LS.01	
67	Đăng ký hoạt động của công ty luật hợp danh hoặc công ty luật trách nhiệm hữu hạn (gọi chung là Công ty luật)	QT.LS.02	
68	Chuyển đổi Công ty luật trách nhiệm hữu hạn và Công ty luật hợp danh	QT.LS.03	
69	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Văn phòng	QT.LS.04	

STT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Ghi chú
	luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty luật trách nhiệm hai thành viên trở lên, công ty hợp danh		
70	Chuyển đổi Văn phòng luật sư thành Công ty luật	QT.LS.05	
71	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	QT.LS.06	
72	Đăng ký hoạt động cho Chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư	QT.LS.07	
73	Đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân	QT.LS.08	
74	Cấp Giấy đăng ký hoạt động cho chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài	QT.LS.09	
75	Cấp Giấy đăng ký hoạt động cho công ty luật trách nhiệm hữu hạn một trăm phần trăm vốn nước ngoài, công ty luật trách nhiệm hữu hạn dưới hình thức liên doanh (sau đây gọi tắt là công ty luật nước ngoài)	QT.LS.10	
76	Cấp Giấy đăng ký hoạt động cho chi nhánh của công ty luật nước ngoài	QT.LS.11	
77	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài do bị rách, bị cháy hoặc vì lý do khác không cố ý	QT.LS.12	
78	Đăng ký hoạt động Văn phòng giao dịch của tổ chức hành nghề luật sư	QT.LS.13	
79	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư, công ty luật nước ngoài (gọi tắt là chi nhánh, công ty luật nước ngoài)	QT.LS.14	
80	Cấp lại giấy đăng ký hoạt động cho tổ chức hành nghề luật sư do bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị thiêu hủy dưới hình thức khác	QT.LS.15	
81	Hợp nhất công ty luật	QT.LS.16	
82	Sáp nhập công ty luật	QT.LS.17	
83	Phê duyệt Đề án tổ chức Đại hội nhiệm kỳ, Đại hội bất thường, phương án xây dựng nhân sự Ban Chủ nhiệm, Hội đồng khen thưởng, kỷ luật của Đoàn luật sư	QT.LS.18	
84	Phê chuẩn kết quả Đại hội luật sư	QT.LS.19	
85	Giải thể Đoàn luật sư	QT.LS.20	
IX	Lĩnh vực lý lịch tư pháp		
86	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam,	QT.LLTP.01	

STT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Ghi chú
	người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam		
87	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú ở Việt Nam)	QT.LLTP.02	
88	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan tiến hành tố tụng (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam)	QT.LLTP.03	
X	Lĩnh vực nuôi con nuôi		
89	Giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	QT.NCN.01	
90	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài	QT.NCN.02	
91	Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi	QT.NCN.03	
XI	Lĩnh vực phổ biến, giáo dục pháp luật		
92	Công nhận báo cáo viên pháp luật tỉnh	QT.PBGDPL.01	
93	Miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật tỉnh	QT.PBGDPL.02	
XII	Lĩnh vực quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản		
94	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân	QT.QTV.01	
95	Chấm dứt hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân	QT.QTV.02	
96	Thay đổi thành viên hợp danh của công ty hợp danh hoặc thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	QT.QTV.03	
97	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	QT.QTV.04	
98	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của Quản tài viên	QT.QTV.05	
99	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	QT.QTV.06	
XIII	Lĩnh vực quốc tịch		
100	Cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam	QT.QT.01	
101	Nhập quốc tịch Việt Nam	QT.QT.02	
102	Trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước	QT.QT.03	

STT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Ghi chú
103	Cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước	QT.QT.04	
104	Thôi quốc tịch Việt Nam	QT.QT.05	
105	Thông báo có quốc tịch nước ngoài	QT.QT.06	
XIV	<i>Lĩnh vực tư vấn pháp luật</i>		
106	Đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật	QT.TVPL.01	
107	Đăng ký hoạt động Chi nhánh của Trung tâm tư vấn pháp luật	QT.TVPL.02	
108	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật, Chi nhánh	QT.TVPL.03	
109	Cấp thẻ tư vấn viên pháp luật	QT.TVPL.04	
110	Cấp lại thẻ tư vấn viên pháp luật	QT.TVPL.05	
XV	<i>Lĩnh vực trọng tài thương mại</i>		
111	Đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài	QT.TTTM.01	
112	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài	QT.TTTM.02	
113	Đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	QT.TTTM.03	
114	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh Trung tâm trọng tài, Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	QT.TTTM.04	
115	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh Trung tâm trọng tài, Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	QT.TTTM.05	
XVI	<i>Lĩnh vực trợ giúp pháp lý</i>		
116	Đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	QT.TGPL.01	
117	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	QT.TGPL.02	
118	Lựa chọn, ký hợp đồng với tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật	QT.TGPL.03	
119	Cấp lại Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	QT.TGPL.04	
120	Chấm dứt đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	QT.TGPL.05	